

ĐỀ THI CHÍNH THỨC

- Câu 1:** Chọn phương án thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
C'est.....garçon charmant.
A. l' B. une C. le D. un
- Câu 2:** Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
À qui sont chaussures? - Elles sont à moi.
A. mes B. ces C. des D. les
- Câu 3:** Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
Mes cheveux sont trop longs. Je vais aller le coiffeur cet après-midi.
A. au B. chez C. dans D. à
- Câu 4:** Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
Nous allons à l'école très tôt, les matins.
A. tous B. tout C. toute D. toutes
- Câu 5:** Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
Je dois aller la boulangerie.
A. à B. chez C. dans D. de
- Câu 6:** Chọn từ/cụm từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
Non, je ne mange pas poisson.
A. de B. de la C. le D. du
- Câu 7:** Chọn từ/cụm từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
.....un mois, on ne voit plus Paul aller à l'école.
A. Pendant B. Dès C. Il y a D. Depuis
- Câu 8:** Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
.....hôpital est très grand.
A. Ce B. Cette C. C' D. Cet
- Câu 9:** Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
C'est une femme.
A. gros B. petite C. ronde D. gentil
- Câu 10:** Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
Elle vient d' acheter une robe
A. jolie B. nouvelle C. blanche D. belle
- Câu 11:** Chọn cụm từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
Avez-vous vendu votre maison à Monsieur et Madame Latin? - Oui, je ai vendue.
A. le leur B. la les C. la leur D. la eux
- Câu 12:** Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
Veux - tu qu'elle la fenêtre?
A. ouvres B. ouvert C. ouvre D. ouvrirait
- Câu 13:** Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
Je suis sûr qu' ils.....Suédois.
A. sont B. soient C. étaient D. seront
- Câu 14:** Chọn từ/cụm từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
L'énergie dans des accus.
A. a conservé B. est conservée C. conserve D. ont conserve
- Câu 15:** Chọn từ/cụm từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
Si j'avais le temps, je (j') à l'étranger.
A. voyage B. voyagerai C. voyagerais D. ai voyagé
- Câu 16:** Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
Si tu travailles bien, tu
A. réussiras B. réussie C. réussirais D. réussit

- Câu 17:** Chọn câu ở dạng chủ động (ứng với A hoặc B, C, D) tương ứng với câu bị động sau:
Ce livre vient d'être traduit en français.
A. On vient de traduire ce livre en français.
B. On venait de traduire ce livre en français.
C. On vient de traduiser ce livre en français.
D. On vient d'avoir traduit ce livre en français.
- Câu 18:** Chọn từ/cụm từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
Elle ne sait pas faire cet exercice elle n'a pas appris sa leçon.
A. pourquoi B. parce qu' C. parce que D. grâce à
- Câu 19:** Chọn từ/cụm từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
Il a réussi au baccalauréat l'aide de son père.
A. à cause de B. par C. parce que D. grâce à
- Câu 20:** Chọn từ/cụm từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
..... l'accident dans la rue de Rivolie, je ne peux pas venir chez toi.
A. Par B. Grâce à C. À cause de D. Car
- Câu 21:** Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
On prévoit l'augmentation de l'essence. Cette n'est pas exacte.
A. prévue B. prévoir C. vision D. prévision
- Câu 22:** Chọn từ (ứng với A hoặc B, C, D) khác về từ loại với các từ còn lại:
écouter/manger/boulangier/augmenter.
A. écouter B. manger C. boulanger D. augmenter
- Câu 23:** Chọn danh từ (ứng với A hoặc B, C, D) của động từ "découvrir":
A. découverte B. découverte C. découvert D. découvre
- Câu 24:** Chọn động từ (ứng với A hoặc B, C, D) khác nhóm với các động từ còn lại:
discuter / poser / inviter / apprendre .
A. discuter B. poser C. inviter D. apprendre
- Câu 25:** Chọn từ (ứng với A hoặc B, C, D) trái nghĩa với từ “ correct”:
A. décorrect B. incorrect C. ircorrect D. imcorrect
- Câu 26:** Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
Je ne pourrai pas de ce problème au directeur avant la semaine prochaine.
A. dire B. parler C. exprimer D. présenter
- Câu 27:** Chọn phương án thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
On pourra sortir ce soir
A. s'il pleuvait B. s'il ne pleuvait pas C. s'il ne pleut pas D. s'il ne pleuvra pas
- Câu 28:** Chọn câu trả lời đúng (ứng với A hoặc B, C, D) :
Comment trouvez – vous Hanoi?
A. Ce n'est pas possible.
B. Je me sens bien.
C. Ça va bien, merci.
D. Je l'aime bien. Je trouve Hanoi magnifique.
- Câu 29:** Chọn câu trả lời đúng (ứng với A hoặc B, C, D):
Vous buvez de la bière?
A. Oui, je la bois. B. Oui, j'en bois souvent.
C. Non, je bois seul. D. Non, je bois avec mes amis.
- Câu 30:** Chọn câu (ứng với A hoặc B, C, D) đồng nghĩa với câu sau:
Je ne suis pas de ton avis.
A. Je suis d'accord avec toi. B. Je ne suis pas d'accord avec toi.
C. Je ne suis pas content de toi. D. C'est mon avis.
- Câu 31:** Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
Quand je suis sorti du cinéma,.....
A. il pleuvait B. car il n'est pas venu
C. parce qu'il y a du bruit D. car j'ai trop de travail

Câu 32: Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

C'est mon ami. Je veux écrire quelques mots.

- A. le B. la C. en D. lui

Câu 33: Chọn từ/cụm từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

Quand Paul, nous faisons la cuisine.

- A. venait B. est venu C. est venue D. s'est venu

Câu 34: Chọn từ/cụm từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

Si vous venez avec moi, nous la voiture.

- A. prendront B. avons pris C. prendrons D. prenions

Câu 35: Chọn từ/cụm từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

Mon père pour la ville le mois prochain.

- A. part B. partira C. partirait D. est parti

Câu 36: Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

L'école..... j'ai fait mes études en 2001 s'appelle Louise Michel.

- A. dont B. où C. qui D. que

Đọc kỹ bài khoá và chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho các câu từ 37 đến 45:

La vie à la campagne

Avant tout, je suis paysan. L'été, je me lève à six heures du matin, même parfois à cinq heures, mais l'hiver, je me lève à huit heures. Le paysan suit le soleil. Le meilleur moment est quand je termine le soir et que je rentre chez moi. Je suis avec ma femme et mes enfants, je leur raconte ma journée de travail. C'est une satisfaction.

On n'est pas trop content quand il gèle, ça fait une longue journée.

Le bonheur est facile à trouver. Je le rencontre tout le temps, je sors, je marche sur la route, je regarde la montagne. Je suis heureux. Je vais dans les terres et si les vignes ne sont pas gelées, si je vois que ça pousse, c'est beau, c'est ça la vie. Maintenant, tout le monde ne peut pas en profiter de cette façon parce que malheureusement, il y a beaucoup de jeunes qui ont été obligés de partir pour la ville.

Pierre Bonté

Le bonheur dans le pré

Notes: Geler: Giá rét

Vigne: Cây nho

Câu 37: Dans le texte, on parle..... .

- A. du bonheur du paysan B. du malheur du paysan
C. de la tristesse du paysan D. de la colère du paysan

Câu 38: Qui est l'auteur du texte?

- A. Le bonheur dans le pré. B. La vie à la campagne.
C. Pierre Bonté. D. Les jeunes.

Câu 39: "je suis paysan" c'est:

- A. je suis chanteur B. je suis médecin
C. je suis informaticien D. je suis agriculteur

Câu 40: À quelle heure le paysan se lève - t-il, en été?

- A. à 4h B. à 5h C. à 6h D. à 5h ou à 6h

Câu 41: "Le paysan suit le soleil" veut dire:

- A. le paysan reconnaît le temps par le soleil.
B. le paysan reconnaît le temps par la montre.
C. il y a du soleil.
D. le paysan se lève quand le soleil est en haut.

Câu 42: "Terminer" c'est:

- A. commencer B. continuer C. essayer D. finir

- Câu 43:** Quand le paysan ne se sent – il pas content?
 A. Quand il gèle. B. Quand il fait très chaud.
 C. Quand il fait beau. D. Quand il fait nuit.
- Câu 44:** Le bonheur du paysan est trouvé.....
 A. difficilement B. facilement C. lentement D. tristement
- Câu 45:** Les personnes qui partent pour la ville sont souvent
 A. les élèves B. les enfants
 C. les personnes âgées D. les jeunes
- Câu 46:** Chọn câu có trật tự từ đúng (ứng với A hoặc B, C, D):
 est / parti / le / train.
 A. Est parti le train. B. Parti le train est. C. Le train est parti. D. Est le parti train.
- Câu 47:** Chọn câu có trật tự từ đúng (ứng với A hoặc B, C, D):
 il est / tard / maintenant / très.
 A. Il est tard maintenant très. B. Tard maintenant il est très.
 C. Il est très tard maintenant. D. Très il est tard maintenant.
- Câu 48:** Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
 Hélène a une coiffure lui va bien.
 A. que B. qui C. dont D. où
- Câu 49:** Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
 Ils veulent que vous.....moins.
 A. mangerez B. mangez C. mangiez D. manger
- Câu 50:** Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
 automne, on peut trouver des champignons.
 A. Dans B. En C. À D. Pendant

----- HÉT -----